

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NINH KIỀU  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2022/DS-ST

Ngày: 27/10/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Văng Thị Ngọc Yến**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

**Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Võ An Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông **Tô Văn Tông** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 và ngày 27 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 759/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Cảnh K**, sinh năm: 1988 (Theo văn bản ủy quyền số 2535/UQ-PVB ngày 14/6/2022).

Địa chỉ liên lạc: Số A, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

**- Bị đơn: 1. Ông Phạm Lê Anh T**, sinh năm: 1973;

ĐKTT: Số C, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: Số X, đường B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

**2. Bà Vương Thị L**, sinh năm: 1974.

ĐKTT: Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Số X, đường B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Ông Huỳnh Cảnh K và ông Phạm Lê Anh T có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2022 và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đtrình bày:

Ngày 06/3/2019, giữa Ngân hàng TMCP Đ(Gọi tắt là Ngân hàng) và ông Phạm Lê Anh T, bà Vương Thị L có ký Hợp đồng cho vay số: 105/2019/HĐTD/PVB-CNCTO ngày 06/3/2019, theo đó ông T, bà L vay số tiền 908.000.000 đồng, mục đích vay: Mua xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng, phương thức trả nợ theo tháng/1 lần, lãi suất 8,99%/năm (Được áp dụng trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân) sau đó được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng.

Đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán nợ, các bên ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 105/2019/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 06/3/2019, tài sản thế chấp gồm: Xe ô tô tải (Có mui), nhãn hiệu DONGGENG, số loại TMT/YC6L310-33HC, màu sơn: xanh; Số khung \*LGHXPJ6X3F6102627\*; Số máy YC6L310-33\*L3CC3F00053\*; Biển kiểm soát: 65C-129.92.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết nên đến ngày 01/4/2021 Ngân hàng đã xử lý bán đấu giá tài sản thế chấp, thu hồi một phần nợ gốc trong hạn, nợ gốc quá hạn và lãi của khoản vay tổng cộng là 597.806.147 đồng.

Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tạm tính đến ngày 26/5/2021 là 569.706.343 đồng, trong đó: Nợ gốc là 315.804.754 đồng, nợ lãi 253.901.589 đồng và tiền lãi cho đến khi trả hết nợ.

- Bị đơn ông Phạm Lê Anh T và bà Vương Thị L đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình: Yêu cầu buộc bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay số: 105/2019/HĐTD/PVB-CNCTO ngày 06/3/2019, tạm tính đến ngày 27/10/2022 với tổng số tiền là **668.068.511 đồng**, trong đó: Nợ gốc là 315.804.754 đồng, lãi trong hạn 198.704.406 đồng, lãi quá hạn 107.190.859 đồng, lãi chậm trả 46.368.492 đồng và buộc bị đơn tiếp tục chịu lãi suất quá hạn phát sinh kể từ ngày 28/10/2022 cho đến khi trả dứt nợ.

*Bị đơn ông Phạm Lê Anh T trình bày:* Ông thông nhất với trình bày của phía nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 27/10/2022. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên việc vợ chồng ông không trả nợ Ngân hàng là ngoài ý muốn. Ông đề nghị Ngân hàng xem xét giảm tiền lãi và cho ông được trả dần nợ gốc.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Vương Thị L vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên việc Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở để kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tín dụng tạm tính đến ngày 27/10/2022 là **668.068.511 đồng**, trong đó: Nợ gốc là 315.804.754 đồng, lãi trong hạn 198.704.406 đồng, lãi quá hạn 107.190.859 đồng, lãi chậm trả 46.368.492 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/10/2022 cho đến khi trả dứt nợ. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản hợp pháp của ông T, bà L để thu hồi nợ sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam khởi kiện yêu cầu buộc ông Phạm Lê Anh T và bà Vương Thị L thanh toán tiền nợ vay theo Hợp đồng cho vay số: 105 ngày 06/3/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam với ông T, bà L. Đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Phạm Lê Anh T và bà Vương Thị L cư trú tại số X, đường B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố

Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về thủ tục tố tụng:*

Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để các bên đương sự tự tiến hành hòa giải theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Vương Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[3] Về nội dung:*

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Phạm Lê Anh T thống nhất trình bày: Vào ngày 06/3/2019, giữa Ngân hàng TMCP Đ và bị đơn ký Hợp đồng cho vay số: 105/2019/HĐTD/PVB-CNCTO ngày 06/3/2019 về việc xác lập giao dịch tín dụng với tổng số tiền cho vay là 908.000.000 đồng (Chín trăm lẻ tám triệu đồng), mục đích vay: Mua xe ô tô, thời hạn vay 60 tháng, phương thức trả nợ theo tháng (Tháng/1 lần), lãi suất 8,99%/năm (Được áp dụng trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân) sau đó được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán nợ, hai bên ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 105/2019/HĐBĐ/PVB-CNCTO ngày 06/3/2019, tài sản thế chấp gồm: Xe ô tô tải (Có mui), nhãn hiệu DONGGENG, số loại TMT/YC6L310-33HC, màu sơn: xanh; Số khung \*LGHXPJ6X3F6102627\*; Số máy YC6L310-33\*L3CC3F00053\*; Biển kiểm soát: 65C-129.92.

Ngày 01/4/2021, Ngân hàng đã xử lý bán đấu giá tài sản thế chấp, thu hồi một phần nợ gốc trong hạn, nợ gốc quá hạn và lãi của khoản vay tổng cộng là 597.806.147 đồng (Năm trăm chín mươi bảy triệu tám trăm lẻ sáu nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng).

Tính đến ngày 27/10/2022, tổng số nợ vay của bị đơn là **668.068.511 đồng** (Sáu trăm sáu mươi tám triệu không trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm mười một đồng), trong đó: Nợ gốc là 315.804.754 đồng (Ba trăm mười lăm triệu tám trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng), lãi trong hạn 198.704.406 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng), lãi quá hạn 107.190.859 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu một trăm chín mươi nghìn tám trăm năm mươi chín đồng), lãi chậm trả 46.368.492 đồng (Bốn mươi sáu triệu ba trăm sáu

mười tám nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng). Xét đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 315.804.754 đồng (Ba trăm mười lăm triệu tám trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng) và nợ lãi tạm tính đến ngày 27/10/2022 gồm: Lãi trong hạn 198.704.406 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng), lãi quá hạn 107.190.859 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu một trăm chín mươi nghìn tám trăm năm mươi chín đồng), lãi chậm trả 46.368.492 đồng (Bốn mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Lê Anh T yêu cầu được giảm lãi và được trả dần nợ gốc. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng không đồng ý với đề nghị của ông T nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản hợp pháp của ông T, bà L để thu hồi nợ sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do bị đơn có hoàn cảnh kinh tế khó khăn (Có xác nhận của chính quyền địa phương) và có đơn xin miễn, giảm án phí nên Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần án phí cho bị đơn theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, **Điều 147 và Điều 273** của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam.

Buộc bị đơn ông Phạm Lê Anh T và bà Vương Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ tín dụng tạm tính đến ngày 27/10/2022 là **668.068.511 đồng** (*Sáu trăm sáu mươi tám triệu không trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm mười một đồng*), trong đó: Nợ gốc là 315.804.754 đồng (*Ba trăm mười lăm triệu tám trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng*), lãi trong hạn 198.704.406 đồng (*Một trăm chín mươi tám triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng*), lãi quá hạn 107.190.859 đồng (*Một trăm lẻ bảy triệu một trăm chín mươi nghìn tám trăm năm mươi chín đồng*), lãi chậm trả 46.368.492 đồng (*Bốn mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng*).

Bị đơn tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 28/10/2022 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

**2.** Về án phí: Bị đơn phải chịu 15.361.370 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm sáu mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng*).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.394.200 đồng (*Mười ba triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm đồng*) theo biên lai thu số 0001381 ngày 24/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

**3.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văng Thị Ngọc Yến**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Thu**

**Đỗ Thị Lệ Hằng**

**Văng Thị Ngọc Yến**





